

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Giữa niên độ - Quý I năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	01 VI.19	46,619,921,356	37,698,428,024	46,619,921,356	37,698,428,024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.20	-	1,825,372	-	1,825,372
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.21	46,619,921,356	37,696,602,652	46,619,921,356	37,696,602,652
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.22	33,026,666,954	25,353,172,420	33,026,666,954	25,353,172,420
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	13,593,254,402	12,343,430,232	13,593,254,402	12,343,430,232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.23	768,605,522	210,777,896	768,605,522	210,777,896
7. Chi phí tài chính	22 VI.24	1,767,410,310	1,300,916,870	1,767,410,310	1,300,916,870
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,821,997,661	1,294,361,114	1,821,997,661	1,294,361,114
8. Chi phí bán hàng	24	4,746,517,179	4,303,850,915	4,746,517,179	4,303,850,915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,988,225,137	4,215,207,145	3,988,225,137	4,215,207,145
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30	3,859,707,298	2,734,233,198	3,859,707,298	2,734,233,198
(30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))					
11. Thu nhập khác	31	577,204,982	17,307,917	577,204,982	17,307,917
12. Chi phí khác	32	382,179,161	1,728,001	382,179,161	1,728,001
13. Lợi nhuận khác	40	195,025,821	15,579,916	195,025,821	15,579,916
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	50	(34,957,024)	-	(34,957,024)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	4,019,776,095	2,749,813,114	4,019,776,095	2,749,813,114
(60 = 30 + 40 + 50)					
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61 VI.25	760,864,743	610,094,460	760,864,743	610,094,460
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62 VI.26	179,932,704	-	179,932,704	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70 VI.28	3,078,978,648	2,139,718,654	3,078,978,648	2,139,718,654
(70 = 60 - 61 - 62)					
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		384,171,846	269,987,517	384,171,846	269,987,517
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		2,694,806,802	1,869,731,137	2,694,806,802	1,869,731,137
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		377	256	377	256

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nam Đồng

Phạm Thị Mỹ Dung



Lương Hùng Minh